

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

SẢN XUẤT HÀNG HÓA NÔNG NGHIỆP KHÔNG GÂY MẤT RỪNG

ÁP DỤNG CHO DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ



HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

SẢN XUẤT HÀNG HÓA NÔNG NGHIỆP KHÔNG GÂY MẤT RỪNG

ÁP DỤNG CHO DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

Vũ Tấn Phương, Văn phòng Chứng chỉ Quản lý rừng bền vững

Nguyễn Văn Trường, Văn phòng Chứng chỉ Quản lý rừng bền vững

Nguyễn Bảo Thoa, Viện Nghiên cứu và Phát triển ngành nghề nông thôn Việt Nam

Nguyễn Thị Thu Trang, Viện Nghiên cứu và Phát triển ngành nghề nông thôn Việt Nam

Đặng Thái Sơn, Văn phòng Chứng chỉ Quản lý rừng bền vững

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	iv
1. GIỚI THIỆU	6
2. QUY ĐỊNH CHUNG	7
2.1. Phạm vi và đối tượng áp dụng	7
2.2. Giải thích từ ngữ	7
2.3. Các quy định chính của EUDR	8
2.3.1. Phạm vi sản phẩm	8
2.3.2. Sản phẩm không được gây mất rừng sau ngày 31/12/2020	9
2.3.3. Tuân thủ luật pháp quốc gia nơi sản xuất, cung ứng các sản phẩm quy định	9
2.3.4. Thực hiện trách nhiệm giải trình	9
3. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CHỦ THỂ TRONG CHUỖI CUNG ỨNG.....	10
3.1. Các chủ thể trong chuỗi cung ứng	10
3.2. Trách nhiệm của các chủ thể trong chuỗi cung ứng.....	10
4. CÁC BƯỚC THỰC HIỆN EUDR	12
4.1. Hướng dẫn cho nhà cung ứng nguyên liệu đầu tiên.....	12
4.1.1. Xác định tọa độ địa lý vùng trồng/khai thác	12
4.1.2. Chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp	12
4.1.3. Lập hồ sơ khai thác (áp dụng đối với gỗ và mùn cưa khai thác từ rừng)	13
4.1.4. Lập hồ sơ nguồn gốc nguyên liệu	13
4.1.5. Lập hồ sơ mua bán nguyên liệu.....	14
4.1.6. Bàn giao đầy đủ hồ sơ cho bên mua kèm theo cam kết tuân thủ EUDR	14
4.1.7. Lưu trữ toàn bộ hồ sơ	15
4.2. Hướng dẫn cho thương nhân trung gian.....	15
4.2.1. Thu thập đầy đủ hồ sơ từ nhà cung ứng	15
4.2.2. Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ	16
4.2.3. Lập hồ sơ mua bán với bên mua tiếp theo.....	16
4.2.4. Bàn giao đầy đủ hồ sơ cho bên mua kèm theo cam kết tuân thủ EUDR	16
4.2.5. Lưu trữ hồ sơ	16
4.3. Hướng dẫn cho cơ sở chế biến.....	17
4.3.1. Thu thập và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ bên bán	17
4.3.2. Ghi nhận và phân loại nguyên liệu nhập kho	17
4.3.3. Quản lý chế biến – truy xuất nội bộ, lập hồ sơ sản xuất	18
4.3.4. Lập hồ sơ mua bán sản phẩm	18
4.3.5. Bàn giao đầy đủ hồ sơ cho bên mua, kèm theo cam kết tuân thủ EUDR	18
4.3.6. Lưu trữ hồ sơ	18
4.4. Hướng dẫn cho doanh nghiệp xuất khẩu	19
4.4.1. Thiết lập hệ thống trách nhiệm giải trình	19
4.4.2. Thu thập và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ các nhà cung ứng.....	19
4.4.3. Thực hiện đánh giá rủi ro theo EUDR	19
4.4.4. Nộp Tuyên bố trách nhiệm giải trình (DDS).....	20
4.4.5. Lập hồ sơ xuất khẩu	20
4.4.6. Bàn giao đầy đủ hồ sơ cho khách hàng EU	20
4.4.7. Lưu trữ hồ sơ xuất khẩu	20
4.4.8. Giám sát và cập nhật DDS	21
Phụ lục I HƯỚNG DẪN XÁC ĐỊNH TỌA ĐỘ ĐỊA LÝ CỦA LÔ ĐẤT	22
Phụ lục II CÁC BIỂU MẪU	26

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BV&PTR	Bảo vệ và phát triển rừng
CEFIC	Hội đồng công nghiệp hóa chất Châu Âu
DDS	Hệ thống trách nhiệm giải trình
GIS	Hệ thống thông tin địa lý
GIZ	Tổ chức hợp tác quốc tế Đức
EC	Ủy ban Châu Âu
EU	Liên minh Châu Âu
EUDR	Quy định của Liên minh Châu Âu về sản xuất hàng hóa không gây mất rừng và suy thoái rừng
FAO	Tổ chức Nông nghiệp và lương thực của Liên hợp quốc
FSC	Hội đồng quản lý rừng
IPCC	Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu
KTXH	Kinh tế - xã hội
LSNG	Lâm sản ngoài gỗ
MRV	Đo đạc, Báo cáo và Thẩm định
MOU	Biên bản ghi nhớ hợp tác
PEFC	Tổ chức chứng chỉ rừng quốc tế
RECOPTC	Trung tâm vì con người và rừng
VCCI	Liên đoàn thương mại và công nghiệp Việt Nam
VNTLAS	Hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp của Việt Nam
VPA/FLEGT	Hiệp định đối tác tự nguyện về thực thi lâm luật, quản trị rừng và thương mại lâm sản
WTO	Tổ chức Thương mại thế giới
WWF	Quỹ quốc tế Bảo vệ thiên nhiên

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Quy định về sản phẩm gỗ, cao su và cà phê theo EUDR.....	8
Bảng 2. Các chủ thể trong chuỗi cung ứng gỗ, cao su, cà phê xuất khẩu	10
Bảng 3. Trách nhiệm của các chủ thể trong chuỗi cung ứng.....	11
Bảng 4. Danh mục hồ sơ về nguyên liệu cung ứng	15

1. GIỚI THIỆU

Báo cáo hiện trạng rừng toàn cầu của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp Quốc (FAO, 2022)¹ cho rằng tổng diện tích rừng toàn cầu đang tiếp tục thu hẹp, chiếm khoảng 31% diện tích che phủ (khoảng 4,05 tỷ ha). Khoảng 420 triệu ha rừng đã mất trong giai đoạn 1990 – 2020 với tốc độ mất rừng là 10 triệu ha trên năm trong giai đoạn 2015-2020; khoảng 47 triệu ha rừng nguyên sinh bị mất trong giai đoạn 2000-2020. Trong đó, các hoạt động sản xuất nông nghiệp được cho là động lực chính của nạn phá rừng, thúc đẩy gần 90% nạn phá rừng toàn cầu, trong đó khoảng 60% là sản xuất nông nghiệp hàng hóa.

Liên minh Châu Âu là một trong những thị trường tiêu thụ lớn nhất thế giới đã và đang góp phần vào việc gây ra mất rừng trên quy mô toàn cầu thông qua việc nhập khẩu hàng loạt các sản phẩm có liên quan. Với kim ngạch nhập khẩu lên đến 85 tỷ Euro mỗi năm, EU đang sử dụng và tiêu thụ một lượng lớn “hàng hóa có nguy cơ từ rừng”. Thêm vào đó, Báo cáo đặc biệt của IPCC về biến đổi khí hậu và đất đai ước tính, 23% lượng phát thải khí nhà kính toàn cầu do con người gây ra từ năm 2007 đến 2016 đến từ nông nghiệp, lâm nghiệp và các mục đích sử dụng đất khác. Điều này cho thấy EU đóng vai trò quan trọng trong bảo tồn rừng, giảm thiểu hậu quả của nạn phá rừng và suy thoái rừng cũng như giảm phát thải nhà kính và các hệ lụy liên quan biến đổi khí hậu trên toàn cầu.

Nhận thức sâu sắc về vai trò và trách nhiệm trong giải quyết các vấn đề liên quan nạn phá rừng và suy thoái rừng, tháng 7/2019, EU bắt đầu triển khai chiến dịch truyền thông về thúc đẩy hành động nhằm bảo vệ và khôi phục rừng trên toàn thế giới. Sau đó, từ tháng 9-12/2020, EU tổ chức sự kiện tham vấn công chúng với 1,2 triệu người tham gia đóng góp ý kiến. Tháng 10/2020, Diễn đàn đa bên về bảo vệ và khôi phục rừng thế giới (Multi-Stakeholder Platform on Protecting and Restoring the World's Forests) đã được tổ chức. Ngày 17/11/2021, Ủy ban châu Âu đề xuất ban hành Quy định của EU về chống mất rừng (EUDR).

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, Nghị viện Châu Âu và Ủy ban Châu Âu (EC) đã thông qua Quy định về việc xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hóa không gây mất rừng và suy thoái rừng (sau đây gọi tắt là EUDR). Quy định này có hiệu lực từ ngày 29 tháng 6 năm 2023, với ngày áp dụng được gian hạn là **từ ngày 30/12/2025 đối với các doanh nghiệp lớn và từ ngày 30/06/2026 đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ cung ứng sản phẩm vào thị trường EU**. EUDR cấm nhập khẩu hoặc xuất khẩu các sản phẩm và hàng hóa gây ra phá rừng, suy thoái rừng và không tuân thủ luật pháp của quốc gia khai thác và xuất khẩu. EUDR áp dụng cho 7 mặt hàng bao gồm: gia súc, ca cao, cà phê, dầu cọ, cao su, đậu nành và gỗ, cũng như các sản phẩm được sản xuất và chế biến từ nguyên liệu thô của các mặt hàng trên như da, sô cô la, giấy, đồ nội thất, than củi, một số dẫn xuất từ dầu cọ, v.v... Theo đó, Việt Nam có 03 ngành hàng bị ảnh hưởng lớn nhất bởi EUDR gồm: cà phê, cao su và gỗ.

Việt Nam là nước xuất khẩu hàng hóa nông nghiệp lớn với tổng kim ngạch xuất khẩu nông sản năm 2024 là 62,5 tỷ USD, trong đó giá trị giá xuất khẩu các sản phẩm quy định theo EUDR gồm: gỗ và sản phẩm gỗ là 16,28 tỷ USD, cà phê là 5,5 tỷ USD và cao su là 3,5 tỷ USD. Trong các sản phẩm này, các sản phẩm có giá trị thương mại với EU là 40% tổng kim ngạch với Cà phê, 10% với cao su và 5% với gỗ và sản phẩm gỗ.

Hướng dẫn này được xây dựng với sự hỗ trợ của tiểu dự án “Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) thực hiện quy định sản xuất không gây mất rừng (EUDR)” thuộc Chương trình hỗ trợ đổi mới và cạnh tranh (ICG) thuộc Chương trình hợp tác thương mại Việt Nam – Thụy Sĩ.

Hướng dẫn cung cấp các thông tin cơ bản và các bước thực hiện các quy định của EUDR đối

¹ FAO, 2022. The state of the World's forests 2022.

<https://openknowledge.fao.org/server/api/core/bitstreams/8f599970-661d-45f5-a598-2ea46ca1605f/content/cb9360en.html>

với các doanh nghiệp nói chung, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia cung ứng, thương mại các sản phẩm tại thị trường EU. Hướng dẫn bao gồm các phần chính: (i) Quy định chung; (ii) Trách nhiệm của các chủ thể trong chuỗi cung ứng; (iii) Các bước thực hiện – các mô tả chi tiết cho các chủ thể trong chuỗi cung ứng; và (iv) các phụ lục cung cấp các mẫu về thu thập thông tin, thực hiện DDS.

Thực hiện EUDR là yêu cầu mới, các kinh nghiệm thực tiễn còn hạn chế. Hướng dẫn này sẽ được xem xét cập nhật trong quá trình thực hiện.

2. QUY ĐỊNH CHUNG

2.1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Hướng dẫn này sử dụng cho các doanh nghiệp, bao gồm doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia sản xuất, cung ứng và thương mại các sản phẩm gỗ, cao su và cà phê theo quy định sản xuất không gây mất rừng của Liên minh Châu Âu (EUDR).

Hướng dẫn mang tính tự nguyện nhằm giúp cho doanh nghiệp hiểu và thực hiện các yêu cầu của EUDR nhằm thúc đẩy thương mại các sản phẩm theo quy định tại thị trường Liên minh Châu Âu.

2.2. Giải thích từ ngữ

Cây ngoài rừng (trees outside forests) là cây thân gỗ trồng trên đất ngoài quy hoạch lâm nghiệp, gồm: cây lâm nghiệp; cây công nghiệp lâu năm; cây ăn quả lâu năm; cây trồng phân tán trên đất vườn nhà, hành lang giao thông, ven sông, kênh, mương, bờ vùng, bờ thửa, nương rẫy, nông lâm kết hợp.

Doanh nghiệp vừa và nhỏ là các doanh nghiệp được phân loại là siêu nhỏ, nhỏ và vừa theo các tiêu chí quy định tại Điều 3 của Chỉ thị 2013/34/EU.

Lô đất (plot of land) là đất trong một tài sản bất động sản duy nhất, được công nhận bởi pháp luật của nước sản xuất, có đủ các điều kiện đồng nhất để cho phép đánh giá mức độ rủi ro tổng hợp về nạn phá rừng và suy thoái rừng liên quan đến hàng hóa liên quan được sản xuất trên đất đó. (*EUDR 2.27*)

Phá rừng (deforestation) là việc chuyển đổi rừng để sản xuất nông nghiệp, dù có phải do con người gây ra hay không. (*EUDR 2.1*).

Không phá rừng (deforestation-free) là (*EUDR 2.13*)

(i) Các sản phẩm liên quan có chứa, được cung cấp hoặc đã được sản xuất từ nguyên liệu liên quan được sản xuất trên đất không thuộc đối tượng phá rừng sau ngày 31 tháng 12 năm 2020; và

(ii) Trường hợp sản phẩm có liên quan có chứa hoặc được làm từ gỗ, gỗ đó được khai thác từ rừng mà không gây suy thoái rừng sau ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Suy thoái rừng (forest degradation) nghĩa là những thay đổi cấu trúc che phủ rừng, bao gồm các hình thức thay đổi:

(i) rừng nguyên sinh hoặc rừng tái sinh tự nhiên chuyển thành rừng trồng hoặc thành đất có cây gỗ khác; hoặc

(ii) rừng nguyên sinh chuyển thành rừng trồng.

Rừng (forest) là hệ sinh thái bao gồm các loài thực vật rừng, động vật rừng, nấm, vi sinh vật, đất rừng và các yếu tố môi trường khác, trong đó thành phần chính là một hoặc một số loài cây thân gỗ, tre, nứa, cây họ cau có chiều cao được xác định theo hệ thực vật trên núi đất, núi đá, đất ngập nước, đất cát hoặc hệ thực vật đặc trưng khác; diện tích liên vùng từ 0,3 ha trở lên; độ

tàn che từ 0,1 trở lên; hoặc cây có thể đạt đến các ngưỡng trên tại khu vực đó; không bao gồm cây trên đất sản xuất nông nghiệp hoặc đất đô thị (**Luật Lâm nghiệp 2017**).

Rừng trồng (planted forest) là **rừng** được hình thành do con người trồng mới trên đất chưa có rừng; cải tạo rừng tự nhiên; trồng lại hoặc tái sinh sau khai thác rừng trồng.

Tọa độ địa lý (geolocation) là vị trí địa lý của một lô đất được mô tả bằng tọa độ vĩ độ và kinh độ tương ứng với ít nhất một điểm vĩ độ và kinh độ, sử dụng ít nhất sáu chữ số thập phân; đối với các lô đất có diện tích lớn hơn bốn héc-ta được sử dụng để sản xuất hàng hóa có liên quan trừ gia súc, thông tin này phải được cung cấp dưới dạng đa giác (polygon) với số lượng điểm vĩ độ và kinh độ đủ để mô tả chu vi của từng lô đất đó. (**EUDR 2.28**).

Trách nhiệm giải trình (due diligence) theo quy định EUDR bao gồm: (i) thu thập thông tin, dữ liệu và tài liệu cần thiết để đáp ứng các yêu cầu tại Điều 9 EUDR; (ii) đánh giá rủi ro theo Điều 10 EUDR; (iii) thực hiện biện pháp giảm thiểu rủi ro theo Điều 11 EUDR.

Nhà xuất nhập khẩu (operator) là cá nhân hoặc tổ chức, trong quá trình hoạt động thương mại, đưa sản phẩm liên quan vào thị trường hoặc xuất khẩu chúng.

2.3. Các quy định chính của EUDR

Các quy định của EUDR gồm: (i) Phạm vi sản phẩm; (ii) Sản phẩm đưa vào thị trường EU không được gây mất rừng và suy thoái rừng sau ngày 31/12/2020; (iii) Tuân thủ luật pháp nước sản xuất nơi sản xuất, cung ứng các sản phẩm quy định; và (iv) Thực hiện trách nhiệm giải trình.

2.3.1. Phạm vi sản phẩm

Gồm đậu nành, thịt bò, dầu cọ, gỗ, ca cao, cà phê và cao su. Chi tiết định đối với sản phẩm gỗ, cao su và cà phê tại Bảng 1. Quy định này không áp dụng đối với các sản phẩm được sản xuất trước ngày 29/06/2023 (trước thời điểm EUDR có hiệu lực).

Bảng 1. Quy định về sản phẩm gỗ, cao su và cà phê theo EUDR

TT	Sản phẩm	Mô tả chi tiết
1	Gỗ	Gỗ nguyên liệu dạng khúc, thanh nhỏ, cành, bó hoặc các dạng tương tự; gỗ ở dạng dăm, mảnh hoặc bột; mùn cưa và phế liệu gỗ và mảnh vụn, đã hoặc không đóng thành khối, bánh, viên hoặc hình thức tương tự; than gỗ; các loại ván gỗ (ván dăm, ván ghép thanh, ván sợi bằng gỗ, ván ép...); khung, hòm, hộp, thùng và các loại bao bì bằng gỗ; các loại đồ mộc, dụng cụ và bộ phận bằng gỗ; các mặt hàng khác bằng gỗ; vv
2	Cao su	Cao su tự nhiên, nhựa cây balata, nhựa kết, nhựa cây cùc cao su, nhựa chicle và các loại nhựa tự nhiên tương tự, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, tờ hoặc dải; cao su hỗn hợp, chưa lưu hóa, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, tờ hoặc dải; cao su chưa lưu hóa ở các dạng khác (ví dụ, thanh, ống và dạng hình) và các sản phẩm khác (ví dụ, đĩa và vòng); chỉ sợi và dây bện bằng cao su lưu hóa; tấm, tờ, dải, thanh và dạng hình, bằng cao su lưu hóa trừ cao su cứng; lớp bằng cao su loại bơm hơi, chưa qua sử dụng; lớp bằng cao su loại bơm hơi đã qua sử dụng hoặc đắp lại; lớp đặc hoặc nửa đặc, hoa lớp và lót vành, bằng cao su; săm các loại bằng cao su; sản phẩm may mặc và đồ phụ trợ may mặc (kể cả găng tay, găng hờ ngón và găng bao tay), dùng cho mọi mục đích, bằng cao su lưu hóa trừ cao su cứng; các sản phẩm khác bằng cao su lưu hóa trừ cao su cứng, không được nêu ở nơi khác trong chương 40; cao su cứng (ví dụ ebonit) ở các dạng, kể cả phế liệu và phế thải; các sản phẩm bằng cao su cứng.
3	Cà phê	Cà phê, rang hoặc chưa rang, đã hoặc chưa khử chất caffeine; vỏ quả và vỏ lụa cà phê; các chất thay thế cà phê có chứa cà phê theo tỷ lệ nào đó.

2.3.2. Sản phẩm không được gây mất rừng sau ngày 31/12/2020

EUDR yêu cầu phải truy xuất nguồn gốc mọi hàng hóa trong phạm vi quy định ngược trở lại lô đất nơi hàng hóa được nuôi, trồng trước khi đưa vào thị trường EU hoặc cung cấp trên thị trường EU hoặc xuất khẩu từ EU một sản phẩm liên quan để chứng minh rằng không có nạn phá rừng xảy ra ở một vị trí địa lý cụ thể.

Cụ thể, **khoản 1 Điều 9 của EUDR** quy định nhà xuất nhập khẩu cần thu thập và lưu trữ trong vòng 5 năm các thông tin liên quan đến sản phẩm nhằm chứng minh sản phẩm hợp pháp và không gây mất rừng, đồng thời khai báo với cơ quan thẩm quyền khi được yêu cầu. Trong đó, khoản 1(d) quy định thông tin đối với nơi sản xuất ra sản phẩm như sau:

- Vị trí địa lý của tất cả các lô đất mà sản phẩm được sản xuất cũng như ngày tháng hoặc khoảng thời gian sản xuất phải được cung cấp. Nếu sản phẩm được sản xuất trên nhiều lô đất khác nhau, doanh nghiệp cần khai báo vị trí địa lý của tất cả các lô đất đó.
- Nếu quá trình sản xuất sản phẩm tại bất kỳ lô đất nào gây mất rừng, tất cả các sản phẩm được sản xuất trên lô đất đó không đủ tiêu chuẩn để lưu thông tại thị trường EU.

Các tọa độ địa lý cần được cung cấp trong các tuyên bố trách nhiệm giải trình mà nhà xuất nhập khẩu phải nộp qua Hệ thống thông tin trước khi đưa sản phẩm ra thị trường EU hoặc xuất khẩu sản phẩm từ EU (**khoản 2 Điều 4, khoản 1(d) Điều 9**).

2.3.3. Tuân thủ luật pháp quốc gia nơi sản xuất, cung ứng các sản phẩm quy định

Các hàng hóa và sản phẩm liên quan chỉ có thể được đưa vào thị trường EU hoặc xuất khẩu từ EU nếu chúng không gây mất rừng và tuân thủ quy định pháp luật liên quan của nước sản xuất (Điều 3(b)). **Điều 2(40)** của EUDR định nghĩa ‘luật pháp liên quan của nước sản xuất’ nghĩa là các luật áp dụng ở nước sản xuất liên quan đến tình trạng pháp lý của khu vực sản xuất về:

- (a) quyền sử dụng đất;
- (b) bảo vệ môi trường;
- (c) các quy tắc liên quan đến rừng, bao gồm quản lý rừng và bảo tồn đa dạng sinh học, liên quan trực tiếp đến khai thác gỗ;
- (d) quyền của các bên thứ ba;
- (e) quyền của người lao động;
- (f) quyền con người được bảo vệ theo luật của quốc tế;
- (g) đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, được báo trước và thông tin đầy đủ (FPIC), bao gồm quy định trong Tuyên bố của Liên hợp quốc về quyền của các dân tộc bản địa;
- (h) thuế, chống tham nhũng, buôn bán và phong tục tập quán.

2.3.4. Thực hiện trách nhiệm giải trình

Bên cung ứng các hàng hóa và sản phẩm thuộc phạm vi quy định trước khi được đưa vào thị trường EU hoặc xuất khẩu từ EU phải có tuyên bố trách nhiệm giải trình (**Điều 3(c)**).

Theo **khoản 1 và khoản 2 Điều 4**, các nhà xuất nhập khẩu sẽ phải thực hiện trách nhiệm giải trình và nộp tuyên bố trách nhiệm giải trình qua hệ thống thông tin (**quy định tại Điều 33**) trước khi đưa các sản phẩm liên quan ra thị trường EU hoặc xuất khẩu từ thị trường EU.

Để thực hiện trách nhiệm giải trình, các nhà xuất nhập khẩu phải thiết lập hệ thống trách nhiệm giải trình, xem xét hệ thống ít nhất mỗi năm một lần hoặc khi có thay đổi ảnh hưởng đến hệ thống, lưu giữ hồ sơ và công khai báo cáo theo quy định tại **Điều 12**.

3. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CHỦ THỂ TRONG CHUỖI CUNG ỨNG

3.1. Các chủ thể trong chuỗi cung ứng

Chuỗi cung ứng sản phẩm (gỗ, cà phê và cao su) tại Việt Nam phục vụ xuất khẩu vào thị trường EU bao gồm nhiều chủ thể khác nhau, tham gia vào các công đoạn từ khai thác/thu hoạch đến chế biến và xuất khẩu. Việc hiểu rõ vai trò và mối liên kết giữa các chủ thể là cơ sở để xây dựng hệ thống **truy xuất nguồn gốc** và thực hiện **trách nhiệm giải trình** theo Quy định EUDR.

Bảng 2. Các chủ thể trong chuỗi cung ứng gỗ, cao su, cà phê xuất khẩu

Loại hàng hóa	Chủ thể trong chuỗi cung ứng			
	Nguyên liệu ban đầu	Trung gian	Chế biến	Xuất khẩu
Gỗ	Chủ rừng (rừng trồng) Chủ quản lý cây ngoài rừng	Tổ chức/cá nhân thu mua gỗ từ nhà cung ứng đầu tiên	Doanh nghiệp chế biến Hộ kinh doanh	Doanh nghiệp xuất khẩu
	Gỗ nguyên liệu nhập khẩu	Thương nhân nhập khẩu gỗ		
Cao su	Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân (cao su đại điền)	Tổ chức/cá nhân thu mua không thuộc doanh nghiệp (nếu có)	Doanh nghiệp chế biến Hộ kinh doanh	Doanh nghiệp xuất khẩu
	Hộ gia đình, cá nhân (cao su tiểu điền)	Tổ chức/cá nhân thu mua mủ cao su từ nhà cung ứng đầu tiên		
Cà phê	Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân	Tổ chức/cá nhân thu mua không thuộc doanh nghiệp (nếu có)	Doanh nghiệp chế biến Hộ kinh doanh	Doanh nghiệp xuất khẩu
	Hộ gia đình, cá nhân	Tổ chức/cá nhân thu mua hạt cà phê từ nhà cung ứng đầu tiên		

3.2. Trách nhiệm của các chủ thể trong chuỗi cung ứng

Mỗi chủ thể trong chuỗi đều có trách nhiệm thu thập, lưu trữ và chuyển giao thông tin nguồn gốc nguyên liệu nhằm đáp ứng yêu cầu không phá rừng và hợp pháp theo Quy định EUDR. Tuy nhiên, chỉ các doanh nghiệp xuất khẩu trực tiếp đưa hàng hóa vào thị trường EU, được gọi là ‘operator’, mới bắt buộc phải thực hiện hệ thống trách nhiệm giải trình (DDS). Các chủ thể khác cung cấp dữ liệu đầu vào thông qua bên mua cho hệ thống DDS của operator. Việc một chủ thể không đảm bảo thông tin đầy đủ có thể khiến toàn bộ lô hàng không được phép nhập khẩu vào EU.